

Số: **1793** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 9 năm 2017

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 10719 Về việc
ĐẾN	Ngày: 29/11/17
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 09/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 685a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ;

Căn cứ Văn bản số 331a/HĐND-KTNS ngày 29/9/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thay đổi tổng mức đầu tư của chủ trương đầu tư dự án kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi về tại Tờ trình số 117/TTr-QISC ngày 31/7/2017, Công văn số 570/QISC ngày 27/9/2017 và Giám đốc Sở Xây dựng về báo cáo kết quả thẩm định tại Văn bản số 2883/SXD-ĐT&HT ngày 28/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ.
2. Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Bảo vệ quỹ đất ven sông, phòng chống sạt lở đất, bảo đảm an toàn và tổ chức ổn định dân cư để phát triển lâu dài của đô thị.
- Từng bước xây dựng hạ tầng đô thị, góp phần từng bước hoàn chỉnh hạ tầng đô thị mới Nam Sông Vệ theo quy hoạch đã được phê duyệt.
- Tạo ra quỹ đất mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng cho người dân trong khu vực, góp phần phát triển kinh tế và tăng thu ngân sách.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu dân cư với diện tích khoảng 19,97ha theo quy hoạch đã được phê duyệt gồm các hạng mục: Đường giao thông, hệ thống cấp điện, san nền, thoát nước dọc, vỉa hè - cây xanh, quảng trường, điện chiếu sáng và cấp nước theo Quy hoạch tỷ lệ 1/500 đã được Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức phê duyệt tại Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 21/4/2017.

- Xây dựng Kè bảo vệ bờ sông với tổng chiều dài khoảng 1.155,5m.
- Xây dựng khu chợ với tổng diện tích khoảng 4.490 m².

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi.

6. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư: KS. Nguyễn Hữu Tiến.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích khu đất khoảng 19,97 ha.

9. Loại cấp công trình:

- Hạng mục Đường giao thông: Công trình giao thông, cấp IV.
- Hạng mục Hệ thống cấp điện: Công trình công nghiệp (năng lượng), cấp IV.
- Hạng mục Kè bảo vệ bờ sông: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV.
- Hạng mục thoát nước dọc: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III
- Các hạng mục San nền, Vỉa hè - Cây xanh, Quảng trường, Điện chiếu sáng và Cấp nước: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng:

11.1. Đường giao thông:

a) Quy mô mặt cắt ngang:

TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Quy mô (m)				Cấp thiết kế đường (TCXDVN 104-2007)
			B _{mặt}	B _{dpc}	B _{vỉa hè}	B _{nền}	
1	Tuyến số 01	196,5	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
2	Tuyến số 02	281,8	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
3	Tuyến số 03	138,0	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
4	Tuyến số 04	699,7	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
5	Tuyến số 05	1188,0	7,0		6x2=12	19	Đường phố nội bộ

6	Tuyến số 06	203,5	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
7	Tuyến số 07	81,5	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
8	Tuyến số 08	121,2	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
9	Tuyến số 09	380,2	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
10	Tuyến số 10	114,1	7x2=14	8	8x2=16	38	Đường phố gom
11	Tuyến số 11	250,5	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
12	Tuyến số 12	137,0	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
13	Tuyến số 13	211,0	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ

b) Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Thông số kỹ thuật	
1	Cấp thiết kế đường (TCXDVN104-2007)	Đường phố nội bộ	Đường phố gom
2	Vận tốc thiết kế	30Km/h	40 Km/h
3	Dốc ngang mặt đường	2%	2%
4	Dốc ngang vỉa hè	2%	2%
5	Kết cấu mặt đường	BTN - Cấp cao A1	BTN - Cấp cao A1
6	Tải trọng trục thiết kế tuyến	100 kN	100 kN
7	Mô đun đàn hồi yêu cầu tối thiểu	120 Mpa	120 Mpa

c) Nền, mặt đường:

- Bình đồ, trắc dọc: Thiết kế tuân theo quy hoạch được duyệt về vị trí, cao độ, tọa độ các điểm, các nút giao thông.

- Nền đường: Chủ yếu là nền đắp, nền đường đất đắp lớp trên cùng đầm $K \geq 0,98$ dày 50cm đảm bảo sức chịu tải $CBR \geq 8$, lớp dưới đầm $K \geq 0,95$ sau khi đã bóc lớp cát lẫn sét dày 30cm.

- Mặt đường:

+ Đối với đường phố gom (tuyến số 10): Lớp BTNC 12,5 dày 5cm; lớp BTNC 19 dày 7cm; móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm.

+ Đối với đường phố nội bộ (tuyến số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13): Lớp BTNC 19 dày 7cm; móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm.

+ Đoạn từ Km0+34,61 – Km159,61 của tuyến số 05 có kết cấu mặt đường bằng BTXM, cụ thể: Lớp mặt bằng BTXM M350 dày 22cm; lớp cấp phối đá dăm dày 15cm.

d) Bó vỉa, dải phân cách: Bó vỉa bằng bê tông M300, chiều cao bó vỉa $h_{bv} = 15\text{cm}$; dải phân cách bằng bê tông M300, chiều cao dải phân cách $h_{dpc} = 30\text{cm}$.

đ) Nút giao thông: Thiết kế các nút giao thông đơn giản, cùng mức, đảm bảo tầm nhìn, bán kính thiết kế theo quy hoạch được duyệt.

e) Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

11.2. Hệ thống cấp điện:

a) Phân đường dây 22kV:

- Kết cấu lưới điện: Cấp điện áp 22kV, kết cấu lưới điện 3 pha, 3 dây.
- Dây dẫn: Đường dây trung áp xây dựng mới được tính chọn theo điều kiện mật độ dòng điện kinh tế và các qui định kỹ thuật lưới điện trung áp. Toàn bộ dây dẫn trung áp xây dựng mới dùng loại dây nhôm bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: A/XLPE-70 mm²-12,7/24/kV.

- Cách điện và phụ kiện:

- + Cách điện đứng: Được chọn theo điện áp danh định của lưới điện trung áp, sử dụng loại bằng hợp chất polymer sử dụng loại đi kèm kẹp dây. Ký hiệu: SD-22. Cách điện đứng được bố trí như sau: Các vị trí đỡ thẳng, đầu lèo dùng 01 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha. Các vị trí đỡ vượt, đỡ góc dùng 02 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha.

- + Cách điện chuỗi sử dụng ở vị trí néo cuối, néo dùng và néo góc dùng loại hợp chất polymer.

- + Liên kết chuỗi bằng móc chữ U chịu lực tối thiểu 70kN.

- + Khoá néo dây dẫn dùng cho dây bọc là loại có lực kéo lớn hơn hoặc bằng 70kN, phù hợp với lực phá huỷ cơ học của chuỗi néo và được mạ kẽm nhúng nóng.

- + Hệ số an toàn cơ học của phụ kiện mắc dây, khi ĐDK làm việc ở chế độ bình thường không nhỏ hơn 2,5 và trong chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,7.

- + Hệ số an toàn của chân cách điện đứng khi ĐDK làm việc ở chế độ bình thường không nhỏ hơn 2, trong chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,3.

- + Hệ số an toàn của cách điện: Ở chế độ làm việc bình thường không nhỏ hơn 2,7; ở chế độ nhiệt độ trung bình năm không có gió không nhỏ hơn 5; ở chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,8.

- + Giải pháp đấu nối: Dây bọc trung thế phải sử dụng phụ kiện phù hợp tránh các trường hợp làm hư hỏng lớp vỏ cách điện, làm mất an toàn trong quá trình vận hành và gây sự cố. Yêu cầu chung của phụ kiện dùng cho dây bọc: Phụ kiện không làm hư hại lớp vỏ cách điện của dây dẫn; phụ kiện sử dụng cho dây bọc cách điện phải đảm bảo độ kín, tránh không cho nước thâm nhập vào lõi dây dẫn; tại vị trí rẽ nhánh đấu nối vào đường dây 22kV dùng bộ đầu rẽ nhánh cho dây nhôm có tiết diện phù hợp (kẹp hotline clamp nhôm).

- + Nối dây dẫn: Dùng khóa néo kiểu ép (dùng cho dây bọc) ở các vị trí hãm dây; đầu lèo dùng khóa đầu lèo, mỗi vị trí của 01 pha dùng 01 bộ. Nối dây dẫn sử dụng ống nối kiểu ép có tiết diện phù hợp và không được nối dây tại các khoảng vượt.

- Các biện pháp bảo vệ:

- + Sử dụng tiếp địa cột kiểu LR-10: Gồm 10 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng, mỗi cọc dài 2m làm cọc nối đất và được chôn sâu dưới mặt đất 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng thép tròn CT3 Ø10 mạ kẽm với liên kết hàn điện. Trị số điện trở nối đất phải đảm bảo $R_{nd} \leq 15 \Omega$ (đối với vùng có điện trở suất của đất $100 \Omega m < \rho \leq 500 \Omega m$) ở bất kỳ thời điểm nào trong năm.

+ Tất cả các vị trí cột đường dây 22kV có tiếp địa phải được nối đất đầu cột với xà; các chi tiết bằng thép của tiếp địa cột phải được mạ kẽm nhúng nóng với bề dày lớp mạ tối thiểu phải đạt 85 μ m.

+ Các biện pháp bảo vệ khác: Tất cả các vị trí cột đều có biển cấm và số thứ tự cột đặt ở vị trí dễ nhìn thấy nhất để thuận tiện trong việc quản lý vận hành và báo hiệu cho nhân dân qua lại dưới đường dây. Tại trạm biến áp có biển cấm và biển tên trạm theo qui định về an toàn. Hành lang tuyến theo đúng nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

+ Tên trạm biến áp, cụm bù tĩnh; đánh số thứ tự cột, các thiết bị đóng cắt; lắp đặt biển báo an toàn và treo cờ chỉ thị pha trên lưới điện theo quy định của Công ty Điện Lực Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 1364/QĐ-QNPC ngày 31/3/2011 và Thông tư số 31/2014/TT-BTC, ngày 02/10/2014 qui định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

+ Tại vị trí cột đầu nối có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có lỗ khoan để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

- Phần xây dựng đường dây:

+ Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm đúc sẵn cao 14m; ký hiệu: BTLT 14B

+ Móng cột BTLT: Sử dụng loại bê tông đúc móng M150, đá 2x4; lót móng bằng bê tông M150, đá 4x6, chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông M200, đá 1x2. Ký hiệu: MT-4, MTĐ-3.

+ Xà: Gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 μ m.

+ Cổ dè: Được gia công bằng thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 85 μ m.

b) Đường dây 22kV đi ngầm:

- Dây dẫn:

+ Toàn bộ dây dẫn trung áp đi ngầm dùng cáp ngầm 3 lõi đồng bọc PVC cách điện XLPE. Ký hiệu: Cu/XLPE/DSTA/PVC(3x70)mm² – 24kV. Toàn bộ tuyến cáp ngầm đi liền mạch và không được phép nối để đảm bảo an toàn trong vận hành và sử dụng.

+ Dây dẫn trung áp dùng để đấu nối từ đầu cáp ngầm đến đường dây 22kV trên không dùng loại cáp 1 lõi đồng bọc PVC cách điện XLPE. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x70)mm² – 24kV.

+ Cáp đấu nối từ đường dây trên không đến chống sét van dùng loại 1 lõi đồng bọc PVC, cách điện XLPE - Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x50)mm²

- Cách điện và phụ kiện: Tại vị trí cáp ngầm lên cột, đầu nối dây bọc XLPE với đường dây trên không bằng đầu cốt đồng có tiết diện phù hợp.

- Các biện pháp bảo vệ:

+ Cáp ngầm lên cột được luồn trong ống thép Ø114 dày 5mm bảo vệ cáp.

+ Hai đầu cáp ngầm được bịt kín bằng hộp đầu cáp ngầm 3 pha ngoài trời và bảo vệ quá điện áp bằng chống sét van.

- Phân xây dựng đường dây:

+ Tuyến đi trong mương cáp nền đất có độ sâu chôn cáp là 0.8m so với mặt nền, cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE Ø130/100mm cáp nằm giữa lớp cát, phía trên là lớp gạch thẻ bảo vệ suốt chiều dài mương cáp. Bố trí mốc báo cáp ngầm liên tiếp nhau cách đều 10m trên mặt nền.

+ Xà: Toàn bộ xà được gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85µm.

+ Tại hai đầu các vị trí vượt đường bố trí hố ga để xử lý cáp.

c) Phân Trạm biến áp:

- Vị trí và dung lượng trạm:

+ Chọn 02 máy biến áp 3 pha với dung lượng 400kVA - 22/0,4kV.

+ Trạm biến áp xây dựng mới được đặt gần tuyến đường dây trung thế xây dựng mới, máy biến áp được kiểu treo trên cột ngoài trời, xung quanh không có tường rào bảo vệ.

- Các giải pháp:

+ Sơ đồ nối điện: Phía trung áp của máy biến áp dùng sơ đồ khối đường dây - máy biến áp. Phía hạ áp của máy biến áp dùng sơ đồ một lộ tổng cho 1 lộ ra. Tủ điện hạ áp đặt tại trạm biến áp gồm có 02 ngăn: 01 ngăn bố trí aptômat, 01 ngăn bố trí các đồng hồ đo đếm điện năng hữu công và vô công để tiện cho việc quản lý, vận hành sau này.

+ Các biện pháp bảo vệ: Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía trung áp dùng cầu chì tự rơi (FCO-24kV) đặt ngoài trời. Bảo vệ sóng quá điện áp truyền từ đường dây vào trạm dùng chống sét van (LA-18kV). Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía hạ áp bằng aptômat tổng loại 3 pha, 3 cực

- Các giải pháp đấu nối:

+ Đấu nối từ đường dây trung thế đến MBA dùng loại dây đồng bọc XLPE 24kV. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC 50 mm² – 12,7/24 kV.

+ Đấu nối từ MBA đến áp tô mát tổng dùng loại cáp đồng 1 ruột bọc PVC cách điện XLPE - 600V. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC (1x240)mm² và được luồn trong ống nhựa HDPE Ø130/100.

- Nối đất: Tại trạm biến áp xây dựng mới 01 hệ thống nối đất cọc tia hỗn hợp. Ký hiệu: LR-14 gồm 14 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng dài 2 mét làm các cọc nối đất. Thanh tiếp đất bằng thép tròn CT3Ø12 mạ kẽm. Liên hệ giữa các cọc và thanh bằng liên kết hàn điện. Dây nối từ vỏ các thiết bị, chống sét van, trung tính MBA đến dây tiếp địa cột, dùng dây đồng trần M35. Riêng dây tiếp địa nối từ hệ thống tiếp địa trạm lên đến xà lắp FCO, LA phải dùng dây thép dẹt -40x4 mạ kẽm nhúng nóng thay cho dây đồng trần M35. Trị số điện trở nối đất trung tính của máy biến áp phải theo qui định tại Điều I.7.52 của Quy phạm trang bị điện 11TCN 18-2006 và Điều II.5.72 của Quy phạm trang bị điện 11TCN 19-2006. Tất cả các chi tiết nối đất đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 µm.

- Đo lường: Đo đếm điện năng tiêu thụ bằng công tơ điện 3 pha 220/380V - 5A thông qua biến dòng 150/5A đặt tại tủ điện trạm biến áp (công tơ do đơn vị bán điện cung cấp và lắp đặt).

- Phân xây dựng:

+ Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu treo trên cột BTLT 14 m, đặt máy ngoài trời, xung quanh có tường rào bảo vệ.

+ Hệ xà trạm: Gia công bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085 mm.

+ Tại vị trí trạm biến áp có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có khoan lỗ để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

d) Phần đường dây hạ áp 0,4kV.

- Kết cấu đường dây: Đường dây hạ thế được thiết kế cấp điện áp 0,4kV; kết cấu đường dây 3 pha, 4 dây.

- Dây dẫn: Dây dẫn đường dây hạ áp được tính chọn theo điều kiện tổn thất điện áp cho phép và các qui định kỹ thuật lưới điện hạ áp. Dây dẫn hạ áp chọn dùng loại cáp nhôm vặn xoắn bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: LV-ABC (4x120)mm² -600V cho các tuyến trục chính và LV-ABC (4x95)mm² -600V cho các nhánh rẽ.

- Phụ kiện:

+ Trên tuyến đường dây dùng các loại phụ kiện phù hợp với cáp vặn xoắn như: Khoá néo dây, khoá treo dây, kẹp cáp xuyên cách điện, giá đỡ cáp, nắp bịt đầu cáp v.v... phù hợp với tiết diện dây dẫn.

+ Nối dây dẫn: Dùng kẹp cáp xuyên cách điện cho các vị trí đầu nối và rẽ nhánh, mỗi vị trí của 1 pha dùng 1 kẹp cáp.

+ Sử dụng ống nối kiểu ép tại các vị trí nối dây chịu lực, mỗi pha dùng 1 ống nối và không được nối tại các khoảng vượt.

- Các biện pháp bảo vệ:

+ Tiếp địa xây dựng mới sử dụng tiếp địa lắp lại kiểu LR-6: Gồm 6 cọc bằng thép L63x6 mạ kẽm, mỗi cọc dài 2m làm cọc nối đất và được chôn sâu dưới mặt đất 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng thép tròn CT3 Ø10 mạ kẽm với liên kết hàn điện. Trị số điện trở nối đất phải đảm bảo $R_{nd} \leq 30\Omega$ ở bất kỳ thời điểm nào trong năm. Các vị trí cột hạ thế có bố trí tiếp địa cần tuân thủ theo Quy phạm trang bị điện và các quy định hiện hành.

+ Tất cả các vị trí cột đều có số thứ tự cột đặt ở vị trí dễ nhìn thấy nhất để thuận tiện cho việc quản lý vận hành và báo hiệu cho nhân dân qua lại dưới đường dây. Số thứ tự cột được thực hiện theo Quyết định số 1364/QĐ-QNPC, ngày 31/3/2011 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi và Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 2/10/2014 Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Phần xây dựng:

+ Cột: Dùng cột bê tông ly tâm đúc sẵn cao 8,4 m. Ký hiệu: BTLT-8,4A; BTLT-8,4B.

+ Móng cột: Dùng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Đúc móng bằng bê tông mác 150, đá 2x4, lót móng bê tông đá 4x6 mác 100. Chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông M200, đá 1x2. Khi thi công phải đúc móng trước khi dựng cột. Ký hiệu: MT-1; MTĐ-1.

+ Cổ dè: Dùng thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085mm. Ký hiệu: CDGC-85.

11.3. Kè bảo vệ bờ sông:

a) Quy mô:

- Chiều dài kè: 1.155,5 m.

+ Đoạn 1: K0+40,66 - K0+433,96, có chiều dài L = 393,30m.

+ Đoạn 2: K0+433,96 - K1+71,32, có chiều dài L = 637,36m.

+ Đoạn 3: K1+71,32 - K1+196,19, có chiều dài L = 124,87m.

- Công trình trên kè: 13 công trình, gồm: 09 bậc cấp lên xuống và 04 cống thoát nước.

b) Thông số kỹ thuật:

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
A	Thông số thủy văn			
1	Mức nước lũ P = 5%	H _{5%}	m	+5,99
2	Mức nước lũ P = 10%	H _{10%}	m	+5,84
3	Mức nước kiệt điều tra	H _{min}	m	+0,3
4	Mức nước tạo lòng		m	+3,80
B	Thông số kỹ thuật cơ bản			
1	Cấp công trình		Cấp	IV
2	Tổng chiều dài kè		m	1.155,5
3	Cao trình đỉnh kè			
-	Đoạn 1: K0+40,66÷K0+433,96		m	+3,98 ÷ +6,83
-	Đoạn 2: K0+433,96÷K1+71,32		m	+6,18
-	Đoạn 3: K1+71,32÷K1+196,19		m	+6,43 ÷ 6,05
4	Cao trình cơ kè kè			+4,50
5	Cao trình đỉnh chân kè			+0,80
6	Kết cấu thân kè			
-	Phần trên cơ kè	Tấm bê tông chứa lỗ trống cỡ nằm trong khung BTCT M200		
-	Phần dưới cơ kè			
	Đoạn 1: Gồm các đoạn có lý trình từ (K0+40,66-:K0+70,34) và (K0+127,95-:K0+433,96); Đoạn 2 và Đoạn 3;	Tấm BTCT M200 liên kết âm dương nằm trong khung BTCT M200		
	Đoạn 1: K0+70,34-:K0+127,95	Đá xây vữa M100, dày 25cm, bên trên là lớp BTCT M200 dày 12cm		
7	Kết cấu chân kè			
	Đoạn 1: K0+40,66-:K0+127,95	Ống buy bê tông cốt thép, đường kính D100 cm kết hợp Lãng thể đá học thả rời và rọ đá bên ngoài		
	Đoạn 1 (K0+127,95-:K0+433,96); Đoạn 2 và Đoạn 3;	Rọ đá kết hợp lãng thể đá học thả rời		
8	Bậc lên xuống		Cái	09
9	Cống qua kè		Cái	04
10	Bề rộng đỉnh kè		m	1,0-:9,0
11	Hệ số mái thân kè	m		2,0

c) Phương án thiết kế:

- **Đỉnh kè:** Cao trình đỉnh kè được chọn cho phù hợp với cao trình đỉnh các tuyến đường giao thông dọc kè. Đỉnh kè kết hợp giao thông có bề rộng thay đổi từ 1,0m đến 9,0m.

- **Thân kè:** Nền thân kè bằng đất đắp cấp 3, $K > 0,95$. Phần trên cơ kè có kết cấu bảo vệ mái bằng tấm lát bê tông có chừa lỗ trồng cỏ nằm trong khung BTCT M200; Phần dưới cơ kè có kết cấu bảo vệ mái như sau:

+ Đoạn 1 - phần đoạn có lý trình (K0+40,66 - K0+70,34) và (K0+127,95 - K0+433,96), Đoạn 2, Đoạn 3: Gia cố bằng bê tông tấm lát liên kết âm dương M200, dày 15cm, trong khung bê tông cốt thép, dưới là lớp đệm sỏi dày 10cm và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Đoạn 1 - phần đoạn có lý trình (K0+70,34 - K0+127,95): Có kết cấu từ trên xuống, gồm: Lớp BTCT M200 đổ tại chỗ dày 12cm, lớp đá xây vữa M100, dày 25cm, bên dưới là lớp sỏi lót dày 10cm.

- **Chân kè:**

+ Đoạn 1 - phần có lý trình (K0+40,66 - K0+127,95): Gia cố bằng ống buy bê tông cốt thép, đường kính D100 cm, bên trong đổ đá hộc và giằng đỉnh ống buy bằng dầm BTCT Mác 200, phía ngoài ống buy là rọ đá có kích thước (2x1x0,5)m, bên dưới là lăng thể đá hộc thả rời.

+ Đoạn 1- phần có lý trình (K0+127,95 - K0+433,96), Đoạn 2 và đoạn 3: Kết cấu rọ đá có kích thước (2x1x0,5)m kết hợp lăng thể đá hộc thả rời.

11.4. San nền: Thực hiện san nền chung cho đường giao thông và khu dân cư với tổng diện tích san nền khoảng 206.000m²; tổng khối lượng đất đắp khoảng 384.700m³, đất đào khoảng 2.300m³, đắp nền sử dụng cát của sông Vệ (theo thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi), hệ số đầm nén san nền $K = 0,85$. Hệ số taluy san nền đắp 1:1,5, taluy san nền đào 1:1. Hướng thoát nước san nền về phía các đường giao thông.

11.5. Thoát nước dọc:

- **Thoát nước mưa:** Thiết kế dọc các tuyến đường theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng công tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính Ø(300-1500)mm; cống đặt dưới vỉa hè chịu tải trọng vỉa hè, cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80. Hệ thống thoát nước được thu gom thoát về sông Vệ theo quy hoạch đã được phê duyệt; độ dốc dọc tuyến $i = (0,17-0,52)\%$. Giếng thăm bằng bê tông đá 1x2 M200 đối với các vị trí nằm dưới vỉa hè, đường kính cống đầu nổi $\varnothing \leq 1200$; giếng thăm bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M200) đối với các vị trí nằm dưới đường và các giếng thăm có đường kính cống đầu nổi $\varnothing > 1200$; đáy giếng thăm bằng đan BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình (hoặc camposit); hố thu bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250) đáy song chắn rác bằng gang; hố ngăn mùi bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250) đáy đan BTCT.

- **Thoát nước thải:** Thiết kế dọc phía sau các lô đất. Sử dụng công tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính Ø400. Nước thải được thu gom và đầu nổi vào hệ thống thoát nước mưa; trước khi đầu nổi vào hệ thống thoát nước mưa sử dụng hố 03 ngăn (chứa, lắng, lọc) để xử lý. Độ dốc thoát nước dọc tuyến trung bình 0,25%. Các hố ga được thiết kế bằng bê tông.

11.6. Vĩa hè - Cây xanh:

- Vĩa hè thiết kế hai bên đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Vĩa hè lát gạch block tự chèn 220x220x48 trên lớp cát đệm dày 5cm.

- Bồn cây có kích thước bồn (1,2x1,2)m, thành bồn thiết kế bằng bê tông đá 1x2 M200.

- Cây xanh:

+ Dải phân cách: Trồng cây bóng mát kết hợp cây cảnh quan và thảm cỏ.

+ Vĩa hè: Trồng cây bóng mát với khoảng cách trung bình (7-10)m.

11.7. Quảng trường:

Thiết kế quảng trường có diện tích khoảng 33.700m², bao gồm: Bãi đỗ xe, đường nội bộ, cây xanh - thảm cỏ và điện chiếu sáng.

- Bãi đỗ xe: Bố trí tại 03 vị trí với diện tích bãi số 1 khoảng 1.400m², bãi số 2 khoảng 2.130m², bãi số 3 khoảng 1.700m².

- Đường nội bộ: được thiết kế dọc trong khuôn viên quảng trường, các lối đi chính rộng 3,0m, lối đi phụ rộng 1,2m. Kết cấu lối đi bộ lát gạch block tự chèn.

- Cây xanh - thảm cỏ: Cây xanh sử dụng các loại cây bóng mát như Sao đen, Sấu, Me; thảm cỏ sử dụng cỏ Lá Gừng và cỏ Lạc Hồng.

- Điện chiếu sáng: Bố trí 03 trụ đèn chiếu sáng cột thép cao 20m, dàn đèn chiếu sáng trên mỗi trụ gồm 08 bộ đèn Led công suất 213W có hệ thống nâng hạ; dây dẫn bố trí đi ngầm, sử dụng cáp CXV/DSTA (4x10)mm²

11.8. Điện chiếu sáng:

- Thiết kế nằm trên vĩa hè dọc tuyến đường theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Nguồn điện được đấu nối từ hệ thống cấp điện của khu vực. Đường dây chiếu sáng đi nối chung cột điện lực, số lượng 108 bộ, dây dẫn sử dụng cáp ABC (4x25)mm², đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED công suất 80W, chiều dài tuyến đường dây trên không khoảng 3.480m. Riêng tuyến chiếu sáng phía Bắc Quảng trường được bố trí chiếu sáng 1 phía đi ngầm trên vĩa hè và tuyến đường nối từ đường ĐT627B với Quảng trường bố trí chiếu sáng 02 bên vĩa hè; trụ đèn sử dụng trụ thép mạ kẽm cao 9m, số lượng trụ đèn 24 bộ, dây dẫn sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA (4x16)mm², đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED công suất 80W, chiều dài tuyến đường dây ngầm khoảng 710m. Dải phân cách tuyến đường nối từ đường ĐT627B với Quảng trường được bố trí trụ đèn trang trí cao 3,5m, sử dụng bóng đèn Led công suất 9W; dây dẫn bố trí đi ngầm, sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA (4x16)mm².

11.9. Cấp nước:

- Thiết kế dọc tuyến đường theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE D300(315) dài khoảng 610m, ống nhựa HDPE D250(280) dài khoảng 520m, HDPE D200(225) dài khoảng 325m, HDPE D150(160) dài khoảng 1.890m, ống nhựa HDPE D100(110) dài khoảng 600m, ống nhựa HDPE D50(63) dài khoảng 5.100m.

11.10. Khu chợ:

Khu chợ được thiết kế gồm các hạng mục: Nhà lồng, 02 nhà bán hàng tươi sống, nhà vệ sinh và bể nước ngầm.

- Nhà lồng: Diện tích xây dựng 900 m^2 , chiều cao thông thủy $3,8\text{m}$, chiều cao công trình $8,25\text{m}$, nền cao hơn công trình $0,45\text{m}$; toàn bộ không gian được để thông thoáng (không xây tường bao che), nền bằng bê tông đá $1 \times 2 \text{ M200}$, mái lợp tôn kết hợp tấm polycarbonat lấy sáng. Kết cấu móng đơn BTCT đặt trên nền tự nhiên kết hợp cột, khung sàn BTCT và kèo thép hình chịu lực; kết cấu chịu lực chính sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200), thép sử dụng thép có cường độ $R_s = 225\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $< 10\text{mm}$ và $R_s = 280\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $\geq 10\text{mm}$.

- 02 Nhà bán hàng tươi sống: Diện tích xây dựng $2 \times 123 = 246\text{m}^2$, chiều cao thông thủy $3,0\text{m}$, chiều cao công trình $4,70\text{m}$, nền cao hơn công trình $0,2\text{m}$; toàn bộ không gian được để thông thoáng (không xây tường bao che), nền bằng bê tông đá $1 \times 2 \text{ M200}$, mái lợp tôn. Kết cấu móng đơn BTCT đặt trên nền tự nhiên kết hợp khung sàn BTCT chịu lực; kết cấu chịu lực chính sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200), thép sử dụng thép có cường độ $R_s = 225\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $< 10\text{mm}$ và $R_s = 280\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $\geq 10\text{mm}$.

- Nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng 65m^2 , chiều cao thông thủy $3,0\text{m}$, chiều cao công trình $4,25\text{m}$, nền cao hơn công trình $0,3\text{m}$; tường xây bao che hoàn thiện sơn vôi, tường trong nhà ốp gạch men cao $1,6\text{m}$; nền hoàn thiện lát gạch ceramic chống trượt, mái lợp tôn. Kết cấu móng xây đá chẻ và một phần kết cấu tường xây đặt trực tiếp trên tường hầm tự hoại.

- Bể nước ngầm: Kích thước $L \times B \times H = (12 \times 4,5 \times 2,35)\text{m}$, kết cấu bằng BTCT (bê tông đá $1 \times 2 \text{ M200}$). Trên bể đặt nhà trạm bơm kích thước $(2,2 \times 2,7)\text{m}$, chiều cao $2,35\text{m}$, kết cấu tường xây bao che, mái bằng BTCT.

12. Thiết kế công nghệ: Công trình không yêu cầu thiết kế công nghệ.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo phương án bồi thường tổng thể do chủ đầu tư lập.

14. Tổng mức đầu tư của dự án: **185.831.288.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ, tám trăm ba mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	113.389.416.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB:	34.739.234.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	1.562.712.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	6.472.327.000 đồng.
- Chi phí khác:	9.959.940.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	19.707.659.000 đồng.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn khai thác quỹ đất tại Khu dân cư Nam Sông Vệ.

16. Hình thức quản lý dự án: Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017 - 2019.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa dự án vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2883/SXD-ĐT&HT ngày 28/9/2017.

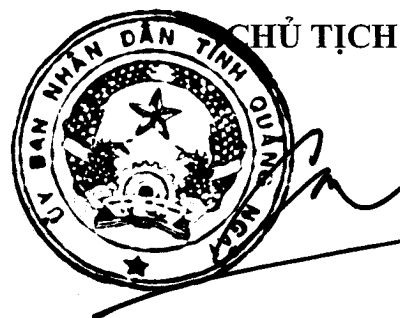
3. Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức; Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD (ttrung593)



Trần Ngọc Căng